TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS - PT
Ngày 29 - 11 - 2021
V/v *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Toàn

Ông Đặng Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLPT-DS ngày 27/10/2021 về việc *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 16/9//2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐ-PT ngày 08/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tòng Văn P, sinh năm 1956.

Trú tại: Thôn 1 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tòng Văn P: Anh Lò Văn V, sinh năm 1981 (theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2021) - Có mặt.

Bị đơn: Ông Lương Văn O, sinh năm 1959 - Có mặt.

Trú tại: Thôn 1 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lò Thị C, sinh năm 1959

Trú tại: Thôn 1 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lò Thị C: Anh Lò Văn V, sinh năm 1981 - Có mặt. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2021).

2. Bà La Thị P, sinh năm 1967

Trú tại: Thôn 1 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà La Thị P: Ông Lương Văn O, sinh năm 1959 - Có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2021).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lương Văn O.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Tòng Văn P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị C trình bầy:

Gia đình ông P bà C có 02 con trâu cùng mẹ trong đó có con trâu (chị) đẻ năm 2009 và trâu đang tranh chấp với gia đình ông Lương Văn O đẻ tháng 9/2016 âm lịch, trâu sừng dài khoảng 30cm, trâu khỏe mạnh phát triển bình thường, tháng 7/2019 ông P đã xiên mũi để thuần trâu. Do trâu thả rông nên ông P không để ý và nhớ chi tiết đặc điểm của trâu, trâu không có đặc điểm riêng biệt gì nhưng nhìn trâu là nhận được ngay là trâu của gia đình mình.

Đàn trâu của gia đình ông P được chăn thả rông tại khu vực đồi Hổi Piên thuộc Thôn 1 M, xã M, huyện V.

Ngày 03/3/2020 (tức ngày 10/2/2020 âm lịch) thì trâu xuống phá ruộng nhà ông Hà Văn T, có người đuổi trâu về phía làng để khỏi phá ruộng, và trâu tự đi về nhà ông P, ông P thấy đúng là trâu của gia đình mình nên mở cổng cho trâu vào nhà nhưng con trâu lúc này đã bị ai đó buộc dây mũi và đeo chuông ở cổ.

Ngày hôm sau thì gia đình ông Lương Văn O đến nhà ông P nhận con trâu của gia đình ông P là của mình nên xẩy ra tranh chấp.

UBND xã M giải quyết tranh chấp đã yêu cầu hai bên nộp tiền để giám định gen trâu tranh chấp và các con trâu cùng đàn liên quan của hai gia đình, cả hai bên đều nhất trí. Sau đó UBND xã M tạm giao trâu tranh chấp cho gia đình ông Lương Văn O chăn dắt, quản lý trong thời gian chờ giải quyết. Nhưng sau khi được trực tiếp quản lý con trâu tranh chấp thì ông Lương Văn O không nộp tiền để giám định và không chấp nhận cho lấy mẫu trâu tranh chấp và trâu liên quan để giám định.

Trị giá con trâu đang tranh chấp giữa hai gia đình là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng). Nay ông Tòng Văn P và bà Lò Thị C đề nghị Tòa án công nhận con trâu đang tranh chấp là của gia đình ông bà và buộc ông Lương Văn O và bà La Thị P trả lại con trâu đang tranh chấp cho gia đình ông P bà C.

Bị đơn ông Lương Văn O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà La Thị P trình bầy:

Gia đình ông O có một đàn 03 trâu gồm: 01 trâu mẹ (đã chết rét đầu năm 2020); 01 trâu đực mầu đen do trâu mẹ sinh ra tháng 8/2017 (trâu đang tranh chấp với gia đình ông Tòng Văn P và 01 con trâu là em của trâu đang tranh chấp (trâu tầm hơn 02 tuổi). Trâu tranh chấp hiện nay đã có thể cầy ruộng, có lông màu đen hơi mốc, đã sẹo mũi, phía trước ngực không có khoang, nhưng hai bên má phía dưới tai và trên mồm có 02 đốm trắng hai bên; Hai bên vai có hai khoáy, mOg trâu tròn và chụm bình thường; 02 sừng cong đều, sừng dài tầm 30 cm, sừng bên trái có vết thắt, đuôi dài bình thường qua gối, trâu có đeo mõ ở cổ.

Đàn trâu của gia đình được chăn thả trên bãi chăn thả thuộc khu vực thôn T, xã N, huyện V cạnh lán tăng gia của gia đình (Lán này vợ chồng ông thường xuyên có người ở để trồng trọt và chăn nuôi). Riêng con trâu đang tranh chấp thì khoảng tháng 12/2019 (âm lịch) ông xiên mũi, sau khi xiên mũi gia đình chăn dắt hàng ngày không thả rông để thuần trâu và tập cho trâu cầy, sáng thả để trâu tự kiếm ăn tối trâu về cạnh lán ngủ. Tối 01/2/2020 (âm lịch) không thấy con trâu đực về lán ngủ, hôm sau vợ C ông có đi tìm thì thấy mọi người trong làng nói gia đình ông Tòng Văn P đã bắt nhốt ở nhà ông P. Ông O có đến nhà ông P và thấy con trâu của gia đình mình đang bị buộc ở vườn nhà ông P nên hai bên xẩy ra tranh chấp.

Ngày 10/3/2020 Ủy ban nhân dân xã M giải quyết tranh chấp đã tạm giao trâu tranh chấp cho gia đình ông O quản lý, chăn dắt. Hai bên gia đình nhất trí lấy mẫu xét nghiệm gen để xác định trâu tranh chấp thuộc sở hữu của ai nhưng sau đó gia đình ông xác định trâu đang tranh chấp là của gia đình mình nên không nhất trí cho lấy mẫu để giám định Gen.

Con trâu đang tranh chấp thuộc sở hữu của vợ chồng ông O nên không chấp nhận trả cho gia đình ông Tòng Văn P và bà Lò Thị C, không yêu cầu công chăn dắt con trâu đang tranh chấp. Trâu đang tranh chấp trị giá 35.000.000đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 16/9//2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đã quyết định: Áp dụng: Các Điều 166, 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tòng Văn P. Công nhận con trâu đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Tòng Văn P và bà Lò Thị C. Buộc ông Lương Văn O và bà La Thị P trả lại cho gia đình ông Tòng Văn P và bà Lò Thị C 01 *(một)* con trâu đực khoảng 06 tuổi; Lông, da mầu đen xám; đuôi dài chấm kheo; 02 sừng cong đều dài mỗi bên 50cm; Trâu gồm 05 khoáy *(01 khoáy giữa trán, 02 khoáy ở giữa hai gốc tai, 02 khoáy hai bên bả vai đối xứng)*; 02 khoang trắng ngang dưới cổ, trước ức; Đốm mầu trắng ngà ở 04 chân; 04 chân to, 04 mOg chụm đều; Trọng lượng khoảng 463kg. Trị giá con trâu là 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên **v**ề chi phí giám định, chi phí xem xét đặc điểm, dấu vết tài sản tranh chấp, án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 30/9/2021 bị đơn ông Lương Văn O kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc ông phải trả con trâu tranh chấp cho vợ chồng ông P.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện

đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy tại P tòa phúc thẩm ông O không cung cấp được chứng cứ để chúng minh con trâu tranh chấp là của ông O nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lươn Văn O; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại P toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án công nhận và buộc bị đơn cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại con trâu đang tranh chấp thuộc sở hữu của gia đình nguyên đơn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn 1 M, xã M, huyện V. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp về quyền sở hữu tài sản."

[2] Xét bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được xem xét công khai tại P tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã M, hai bên gia đình ông P và ông O đều nhất trí giám định gen động vật để giải quyết việc tranh chấp trâu nhưng sau khi Ủy ban nhân xã M tạm giao cho ông O trực tiếp chăn dắt, quản lý con trâu tranh chấp thì ông O không nộp tiền chi phí giám định gen.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị giám định gen con trâu đang tranh chấp và các con trâu khác có liên quan và đề nghị được nộp toàn bộ tạm ứng chi phí giám định trước để giám định gen nhưng gia đình bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn cho rằng trâu tranh chấp là trâu của gia đình mình nên không nhất trí cho lấy mẫu để giám định gen, không đồng ý giám định gen đối với trâu tranh chấp và các con trâu khác liên quan.

Do không giám định được Gen nên nguyên đơn đề nghị giám định tuổi và đặc điểm trâu đang tranh chấp và các con trâu khác liên quan. Theo kết luận giám định ngày 09/9/2021 của giám định viên tư pháp theo vụ việc xác định:

- Trâu tranh chấp khoảng 06 tuổi.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì con trâu của gia đình nguyên đơn đẻ tháng 9/2016 âm lịch, tính đến thời điểm giám định là ngày 09/9/2021(Bút lục 160) là 5 tuổi.

Những người làm chứng (chăn thả cùng; có lán gần khu chăn thả) bên phía nguyên đơn đều khai xác định trâu tranh chấp thuộc sở hữu gia đình nguyên đơn ông Tòng Văn P chỉ biết chung chung như thế vì trâu chăn thả rông nên không nhớ những đặc điểm cụ thể.

Từ những nhận định và căn cứ trên thấy rằng con trâu đang tranh chấp có độ tuổi hợp lý, phù hợp so với lời khai của nguyên đơn. Như vậy Bản án sơ thẩm xác định con trâu đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Tòng Văn P và bà Lò Thị C là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn O thấy rằng: Lời trình bày của bị đơn ông Lương Văn O không ổn định, tại biên bản ngày 10/3/2020 (Bút lục số 19) ghi lời khai ban đầu theo đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp của bị đơn Lương Văn O, tại Công an xã M đã trình bày con trâu của gia đình ông đẻ vào ngày 09/11/2018 (Âm lịch) tính đến ngày giám định là ngày 09/9/2021(Bút lục số 160) thi con trâu của ông O được 2 tuổi 10 tháng, sau khi Ủy ban nhân dân xã giải quyết đã tạm giao con trâu tranh chấp cho ông O quản lý và sau khi bị nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn ông O lại xác định con trâu của gia đình bị đơn đẻ vào tháng 8/2017 tính đến thời điểm giám định là ngày 09/9/2021(Bút lục số 160) được gần 4 tuổi nên không phù hợp với tuổi con trâu tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện V, bị đơn ông O đã mô tả hình thức và đặc điểm con trâu tranh chấp gần trùng với kết quả thẩm định. Tuy nhiên việc miêu tả này được thực hiện khi ông O là người trực tiếp quản lý con trâu tranh chấp nên việc mô tả này là không khách quan nên không thể chấp nhận được. Mặt khác việc bị đơn từ chối cho lấy mẫu để giám định Gen và không nhất trí giám định Gen đối với con trâu đang tranh chấp và các con trâu khác liên quan để có thêm căn cứ khoa học giải quyết vụ án điều đó chứng tỏ bị đơn cũng không dám khẳng định chắc chắn con trâu tranh chấp là của bị đơn.

Những người làm chứng (chăn thả cùng; có lán gần khu chăn thả) bên phía bị đơn cũng đều khai xác định trâu đang tranh chấp là của gia đình bị đơn ông Lương Văn O. Cũng chỉ biết chung chung như thế vì không để ý nên không nhớ cụ thể đặc điểm hay có dấu vết riêng biệt của con trâu đang tranh chấp và không phù hợp với kết quả giám định tuổi nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định và căn cứ trên thấy rằng kháng cáo của ông Lương Văn O không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm về chi phí giám định, chi phí xem xét đặc điểm, dấu vết, tiền án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn ông Lương Văn O kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Lương Văn O, giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

Áp dụng: Các Điều 166, 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26; điểm a khoản 2

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tòng Văn P. Công nhận con trâu đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Tòng Văn P và bà Lò Thị C. Buộc ông Lương Văn O và bà La Thị P trả lại cho gia đình ông Tòng Văn P và bà Lò Thị C 01 *(một)* con trâu đực khoảng 06 tuổi; Lông, da mầu đen xám; đuôi dài chấm kheo; 02 sừng cong đều dài mỗi bên 50cm; Trâu gồm 05 khoáy *(01 khoáy giữa trán, 02 khoáy ở giữa hai gốc tai, 02 khoáy hai bên bả vai đối xứng)*; 02 khoang trắng ngang dưới cổ, trước ức; Đốm mầu trắng ngà ở 04 chân; 04 chân to, 04 mOg chụm đều; Trọng lượng khoảng 463kg. Trị giá con trâu là 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)*.

2/ Về chi phí giám định, chi phí xem xét đặc điểm, dấu vết, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lương Văn O phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Lương Văn O đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai ký hiệu: AC-21P số: 0004192 ngày 06/10/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hoàng Hữu Khoa